TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 22-9-2021
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lành

Bà Đặng Thị Hoàng Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020 về: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 38/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Hồng N; cư trú tại: Ấp Q, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh Xie, Chang - X; cư trú tại: Số A, lộ M, khóm R, thôn D, làng K, huyện L, Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện 18/11/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Hồng N trình bày: Chị và anh Xie, Chang - X kết hôn vào năm 2019, đăng ký tại Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Long, hôn nhân do mai mối. Sau khi kết hôn anh Xie, Chang - X về Đài Loan, anh cũng thường sang Việt Nam thăm chị. Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ngôn ngữ, anh Xie, Chang – X thường hay cự cãi, xúc phạm chị dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Từ tháng 02 năm 2020 đến nay chị và anh Xie, Chang – X không còn liên lạc với nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh Xie, Chang – X.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã tiến hành ủy thác tư pháp theo quy định để tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh Xie, Chang – X là bị đơn về việc chị Lê Thị Hồng N khởi kiện ly hôn với anh. Trong đó, ấn định ngày mở phiên họp hòa giải, ngày mở phiên tòa nhưng Cơ quan có thẩm quyền của Đài Loan trả lời không thực hiện được ủy thác tư phá p cho anh Xie, Chang – X do địa chỉ của bị đơn không chính xác. Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ chính xác của bị đơn nhưng nguyên đơn cũng không thể cung cấp được và nguyên đơn yêu cầu Tòa án thông báo trên kênh dành cho người nước ngoài theo quy định của pháp luật . Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã tiến hành thông báo yêu cầu anh Xie, Chang – X tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng vẫn không có kết quả. Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết vắng mặt đối với anh Xie, Chang – X.

[2] Xét chị Lê Thị Hồng N và anh Xie, Chang – X kết hôn vào năm 2019 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Long nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Hồng N là công dân Việt Nam và anh Xie, Chang – X quốc tịch Lãnh thổ Đài Loan là quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài được quy định tại khoản 25 Điều 3 Luật Hôn nhân và Gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tại điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định việc ly hôn mà nguyên đơn hoặc bị đơn là công dân Việt Nam thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam. Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ vào Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì việc ly hôn này được áp dụng pháp luật Việt Nam giải quyết.

[3] Nhận thấy chị Lê Thị Hồng N và anh Xie, Chang – X kết hôn do mai mối, ngôn ngữ bất đồng, thời gian tìm hiểu nhau chưa kỹ. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Từ tháng 4 năm 2020 đến nay chị và anh Xie, Chang – X không còn liên lạc với nhau nữa. Xét thấy hai người ở hai nước khác nhau, thời gian dài không còn liên lạc với nhau, điều này thể hiện không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng, ai biết bổn phận của người đó, quan hệ hôn nhân giữa hai người chỉ tồn tại trên hình thức, thực chất tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy có căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Lê Thị Hồng N và anh Xie, Chang – X trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia

đình, việc chị Lê Thị Hồng N yêu cầu ly hôn với anh Xie, Chang-X là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung chị Lê Thị Hồng N không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Lê Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Tại phiên Tòa vị Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, áp dụng đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Hồng N. Cho chị Lê Thị Hồng N được ly hôn với anh Xie, Chang – X.

2. Án phí: Chị Lê Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu số 3049 ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án chị Lê Thị Hồng N được quyền kháng cáo. Anh Xie, Chang – X được quyền kháng cáo trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được giao bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- TANDCC: 01b;
- VKSNDTVL: 02b
- CATANDTVL: 01b;
- THADSTVL: 02b;
- UBNDHB: 01b;
- Đ/sự: 02b;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án: 04b.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Tuấn